

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHƯỚC
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 105/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 04-4-2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHƯỚC, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trần Thị Minh Thâm.
- Bà Phạm Thị Tuyết Mai.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Hồ Hữu Long, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 54/2025/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 02 năm 2025, về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2025/QĐXX-HNGĐ, ngày 18 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Trần Thị Lệ Q, sinh năm 2001; cư trú tại thôn N, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; có mặt.

- **Bị đơn:** Anh Trần Minh T, sinh năm 1993; cư trú tại thôn A, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, tại bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị Lệ Q trình bày:

Chị và anh Trần Minh T kết hôn vào ngày 20 tháng 9 năm 2021 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Bình Định. Trước khi kết hôn giữa chị và anh Trần Minh T có tìm hiểu rồi tự nguyện đăng ký kết hôn chứ không có ai ép buộc, lừa dối. Sau khi kết hôn, vợ chồng của chị sống hạnh phúc đến năm 2024 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc anh T thường xuyên uống bia, rượu rồi về đánh đập chị. Mặc dù chị và gia đình

hai bên hoà giải nhưng anh T vẫn không thay đổi. Nay chị nhận thấy chị và anh T không còn tình cảm gì với nhau, không thể nào tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân, đời sống chung không thể kéo dài nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Minh T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng chị có một người con chung là cháu Trần Minh T1, sinh ngày 20 tháng 01 năm 2023. Nay chị yêu cầu giao con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng; hiện nay chị đang trực tiếp nuôi con. Chị không yêu cầu anh Trần Minh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị không yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng chị. Chị xác định hiện nay vợ chồng của chị không phải thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản đối với ai khác.

Tại phiên toà bị đơn anh Trần Minh T vắng mặt nhưng tại bản tự khai anh Trần Minh T trình bày:

Anh và chị Trương Thị Lệ Q1 kết hôn vào ngày 20 tháng 9 năm 2021 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Bình Định. Trước khi kết hôn, giữa anh và chị Q1 có tìm hiểu rồi tự nguyện đăng ký kết hôn chứ không ai ép buộc, lừa dối. Sau khi kết hôn, anh và chị Q1 sống chung với nhau và sống hạnh phúc đến năm 2023 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc giữa anh và chị Q1 không còn phù hợp với nhau về tính tình, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên nay anh đồng ý ly hôn với chị Q1.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng anh có một người con chung là cháu Trần Minh T1, sinh ngày 20 tháng 01 năm 2023. Nếu ly hôn thì anh đồng ý giao con cho chị Q1 trực tiếp nuôi dưỡng. Anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung của vợ chồng anh. Hiện nay vợ chồng anh không phải thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản đối với ai khác. Ngoài ra anh không trình bày và yêu cầu gì thêm.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Lệ Q, cho chị Trần Thị Lệ Q được ly hôn với anh Trần Minh T; giao con chung của chị Trần

Thị Lệ Q và anh Trần Minh T là cháu Trần Minh T1, sinh ngày 20 tháng 01 năm 2023 cho chị Trần Thị Lệ Q trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Trần Thị Lệ Q không yêu cầu anh Trần Minh T cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét. Chị Trần Thị Lệ Q và anh Trần Minh T không tranh chấp về việc chia tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản chung của vợ chồng và yêu cầu người khác thực hiện nghĩa vụ về tài sản nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nguyên đơn chị Trần Thị Lệ Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án là tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại thời điểm thụ lý vụ án và hiện nay bị đơn anh Trần Minh T cư trú tại thôn A, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định. Do đó theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Trần Minh T vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Trần Minh T.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Lệ Q và anh Trần Minh T kết hôn vào ngày 20 tháng 9 năm 2021 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Bình Định theo Giấy chứng nhận kết hôn số 88. Việc kết hôn giữa chị Trần Thị Lệ Q và anh Trần Minh T tuân theo các điều kiện quy định tại Điều 8 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân giữa chị Trần Thị Lệ Q và anh Trần Minh T là hợp pháp. Chị Trần Thị Lệ Q yêu cầu ly hôn với anh Trần Minh T vì cho rằng sau khi kết hôn, vợ chồng của chị Q, anh T sống hạnh phúc đến năm 2024 thì xảy ra mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc anh T thường xuyên uống bia, rượu rồi về đánh đập chị Q; mặc dù chị Q và gia đình hai bên hoà giải nhưng anh T vẫn không thay đổi. Anh T không yêu cầu đoàn tụ mà đồng ý ly hôn với chị Q; anh T cho rằng sau khi kết hôn, anh T và chị Q sống chung với nhau và sống hạnh phúc đến năm 2023 thì xảy ra mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc giữa anh T và chị Q không còn phù hợp với nhau về tính tình, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tòa án thu thập các tài liệu, chứng cứ xác định nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị Q và anh T để tiến hành hòa giải, nhằm mục đích hàn gắn tình cảm vợ chồng chị Q và anh T. Anh T đồng ý ly hôn với chị Q nhưng anh T không tham gia hoà giải. Tòa án đưa vụ án ra xét xử với mục đích tiếp tục hoà giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng chị Q, anh T nhưng anh T không tham gia tố tụng tại phiên tòa. Do đó, có đủ căn cứ chứng minh hôn nhân giữa chị Q và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể

kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét cho chị Q được ly hôn với anh T.

[3.2] Về con chung: Chị Trần Thị Lệ Q và anh Trần Minh T thống nhất có một người con chung là cháu Trần Minh T1, sinh ngày 20 tháng 01 năm 2023. Chị Trần Thị Lệ Q và anh Trần Minh T thống nhất giao con chung cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay chị Q đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1. Vì vậy để bảo đảm quyền lợi mọi mặt của cháu T1, căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu T1 cho chị Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Chị Trần Thị Lệ Q không yêu cầu anh Trần Minh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét. Anh Trần Minh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng anh Trần Minh T không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị Trần Thị Lệ Q. Khi cần thiết chị Trần Thị Lệ Q và anh Trần Minh T đều có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại các điều 84, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.3] Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ về tài sản chung của vợ chồng: Chị Trần Thị Lệ Q và anh Trần Minh T đều không tranh chấp về việc chia tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản chung của vợ chồng và yêu cầu người khác thực hiện nghĩa vụ về tài sản nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn chị Trần Thị Lệ Q phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn để sung vào công quỹ Nhà nước.

[5] Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Lệ Q.

2. Về quan hệ hôn nhân:

2.1. Cho chị Trần Thị Lệ Q ly hôn với anh Trần Minh T.

2.2. Quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị Lệ Q và anh Trần Minh T theo Giấy chứng nhận kết hôn số 88 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Bình Định chứng nhận ngày 20 tháng 9 năm 2021 chấm dứt kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

3. Về con chung:

3.1. Giao con chung của chị Trần Thị Lệ Q và anh Trần Minh T là cháu Trần Minh T1, sinh ngày 20 tháng 01 năm 2023 cho chị Trần Thị Lệ Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Hiện nay chị Trần Thị Lệ Q đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Minh T1.

3.2. Chị Trần Thị Lệ Q không yêu cầu anh Trần Minh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

3.3. Anh Trần Minh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng anh Trần Minh T không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị Trần Thị Lệ Q. Khi cần thiết chị Trần Thị Lệ Q và anh Trần Minh T đều có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại các điều 84, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

4. Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ về tài sản chung của vợ chồng: Chị Trần Thị Lệ Q và anh Trần Minh T không tranh chấp về việc chia tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản chung của vợ chồng và yêu cầu người khác thực hiện nghĩa vụ về tài sản nên Hội đồng xét xử không xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Trần Thị Lệ Q phải chịu số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn để sung vào công quỹ Nhà nước nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà chị Trần Thị Lệ Q đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003034 ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Trần Thị Lệ Q có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (Ngày 04 tháng 4 năm 2025). Bị đơn anh Trần Minh T vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được

bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định;
- Ủy ban nhân dân xã Phước An, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Văn Công Minh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA